|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN BA CHẼ** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  Năm học 2018 - 2019  Môn: **Sinh học 9**  Thời gian làm bài: 45 phút  *(Không kể thời gian giao đề)* |

**I. Trắc nghiệm *(5 điểm)*** *Chọn đáp án đúng ghi vào bài làm:*

**Câu 1**. Bộ NST của người có số lượng là

A. 2n = 8 B. 2n = 23 C. 2n = 46 D. 2n = 48

**Câu 2**. Bệnh Đao là hậu quả của loại đột biến nào?

A. Đột biến dị bội thể B. Đột biến gen lặn

C. Đột biến cấu trúc NST D. Đột biến đa bội thể

**Câu 3**. Bộ NST lưỡng bội ở người là 2n = 46. Trường hợp nào sau đâu là thể dị bội?

A. 2n = 46 B. 2n = 47 C. 2n = 23 D. B và C

**Câu 4**. Bốn loại đơn phân cấu tạo ADN có kí hiệu là:

A. A, U, G, X. B**.** A, T, G, X. C. A, C, G, T. D. A, U, C, G.

**Câu 5**. Đặc điểm khác biệt của ARN so với phân tử ADN là

A. đại phân tử. B. có cấu tạo theo nguyên tắc đa phân.

C. chỉ có cấu trúc một mạch. D. đ­ược tạo từ 4 loại đơn phân.

**Câu 6**. Đột biến nào sau đây là dạng đột biến gen?

A. Mất một cặp nuclêôtit. B. Đảo vị trí của một đoạn NST.

C. Lặp đoạn NST. D. Mất một đoạn NST mang gen.

**Câu 7**. Một gen bình thường, sau khi bị đột biến chiều dài của gen không đổi. Đây là loại đột biến gì?

A. Thêm hai cặp nuclêôtit. B. Mất một cặp nuclêôtit.

C. Thêm một cặp nuclêôtit. D. Thay thế một cặp nuclêôtit.

**Câu 8**. Loại biến dị không di truyền đư­ợc cho thế hệ sau là dạng biến dị nào?

A. Đột biến gen. B. Đột biến NST. C. Biến dị tổ hợp. D**.** Thư­ờng biến.

**Câu 9**. Phát biểu nào dưới đây đúng khi nói về trẻ đồng sinh khác trứng?

A. Luôn giống nhau về giới tính.

B. Luôn có giới tính khác nhau.

C. Có thể giống nhau hoặc khác nhau về giới tính.

D. Ngoại hình luôn giống hệt nhau.

**Câu 10**. Ở người bệnh nào sau đây không di truyền?

A. Máu khó đông B. Hội chứng đao C. Bạch tạng D. Bệnh đau dạ dày.

**II. Tự luận (5 điểm).**

**Câu 1.** (1,5đ) Trình bày cơ chế sinh con trai, con gái ở người. Quan niệm cho rằng người mẹ quyết định việc sinh con trai hay gái là đúng hay sai?

**Câu 2.** (1,5đ) Viết sơ đồ và giải thích mối qua hệ giữa gen và tính trạng?

**Câu 3.** (2đ) Ở bí gen A qui định tính trạng quả tròn là trội hoàn toàn so với gen a qui định quả dài. Cho cây quả tròn thuần chủng lai với cây quả dài thuần chủng thu được F1, tiếp tục cho cây F1 lai với nhau.

a. Hãy lập sơ đồ lai từ P đến F2

b. Rút ra kết quả kiểu di truyền và kiểu hình.

*........ Hết .......*

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN BA CHẼ** | **HƯỚNG DẪN CHẤM, BIỂU ĐIỂM**  **KIỂM TRA HỌC KÌ I**  Môn: **Sinh học 9** |

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN(5đ): *Mỗi câu đúng 0,5đ***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | **C** | **A** | **B** | **B** | **C** | **A** | **D** | **D** | **C** | **D** |

**B. TỰ LUẬN (5đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn chấm** | **Biểu điểm** |
| **1** | Cơ chế sinh con trai, con gái  P (44A + XX) x (44A + XY)  Gp 22A + X 22A + X; 22A + Y  F1  44A + XX (Gái)  44A + XY (Trai)  Quan niệm cho rằng người mẹ quyết định việc sinh con trai hay gái là sai. | **1đ**  **0,5đ** |
| **2** | Sơ đồ:  Gen (một đoạn ADN) → mARN → prôtêin → tính trạng  Giải thích:  Trong đó, trình tự các nuclêôtit trên ADN quy định trình tự các nuclêôtit trong ARN, trình tự các nuleotit trên mạch ARN quy định trình tự các axit amin trong chuỗi axit amin cấu thành prôtêin, prôtêin tham gia vào cấu trúc hoạt động sinh lí của tế bào và biểu hiện thành tính trạng của cơ thể. | **1,đ**  **0,5đ** |
| **3** | a. Qui ước gen và lập sơ đồ  + Gen A qui định tính trạng quả tròn  + Gen a qui định tính trạng quả dài  - Kiểu gen của P: AA, aa  - Sơ đồ lai:  P: Quả tròn Quả dài  AA x aa  Gp: A a  F1: Aa (100% quả tròn)  Cho F1 x F1:  Quả tròn Quả tròn  Aa x Aa  GF1: A, a A,a  F2: 1AA : 2Aa : 1aa  b. Kết quả:  + Kiểu gen: 1AA, 2Aa, 1aa  + Kiểu hình: 3 quả tròn : 1 quả dài | **0,5đ**  **1**  **0,5** |